

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TRÀ CÚ  
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2021/HNGĐ-ST  
Ngày 25 - 3 - 2021  
“V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ CÚ, TỈNH TRÀ VINH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Thạch Thuôn

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Anh Đào

2. Ông Ngô Văn Chiến

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Kim Thị Bô Na, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Cú tham gia phiên tòa:*** Ông Kim Mau – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 3 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 469/2020/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 10 năm 2020 về việc “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2021/QĐXXST- HNGĐ, ngày 24 tháng 02 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 07/2021/QĐST-HNGĐ, ngày 12 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

***- Nguyên đơn:*** Chị Thạch Thị Thanh N, sinh năm 1984.

Nơi ĐKKHKT: Khóm 2, thị trấn T, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

Chỗ ở hiện nay: ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

***- Bị đơn:*** Anh Kim D, sinh năm 1972.

Địa chỉ Khóm 2, thị trấn T, huyện T, tỉnh Trà Vinh (vắng mặt không rõ lý do).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện đề ngày 17/8/2020 và quá trình tố tụng nguyên đơn chị Thạch Thị Thanh N trình bày: Vào năm 2009 do quen biết nên chị và anh Kim D chung sống với nhau như vợ chồng và đến năm 2010 thì có 01 người con chung tên Kim Thị Thanh N1, đến ngày 29/4/2014 thì chị và anh Kim D mới về đăng ký kết

hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Trà Cú theo quy định. Quá trình chung sống giữa chị và anh Kim D cũng thường xảy ra mâu thuẫn cự cãi do anh Kim D thường xuyên nhậu nhẹt về chửi bới nặng nề nhưng vì đã có con chung nên chị cố gắng chịu đựng đến khoảng cuối năm 2016 thì giữa chị và anh Kim D tiếp tục xảy cự cãi và đánh nhau nên chị quyết định sống ly thân với anh Kim D đến nay, kể từ khi ly thân đến nay thì không có ai tạo điều kiện hàn gắn, cũng không từng gặp mặt với nhau. Nay chị nhận thấy tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa chị và anh Kim D đã trầm trọng, không hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt, thời gian ly thân đã lâu nên yêu cầu được ly hôn với anh Kim D; về con chung chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Kim Thị Thanh N1, sinh ngày 14/4/2010, không yêu cầu anh Kim D cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung và nợ chung thì không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa nguyên đơn chị Thạch Thị Thanh N có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt; bị đơn anh Kim D đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

- Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:

+ Việc tuân theo pháp pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án thấy rằng Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng theo trình tự, thủ tục tố tụng của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Riêng bị đơn anh Kim D vắng mặt không có lý do chính đáng là chưa tuân thủ theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

+ Về quan điểm giải quyết nội dung vụ án nhận thấy: Chị Thanh N và anh Kim D đã tự nguyện tiến tới hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Trà Cú, huyện Trà Cú vào ngày 29/4/2014, quá trình chung sống do bất đồng quan điểm, vợ chồng thường xuyên cự cãi và đã sống ly thân với nhau từ năm 2016 đến nay. Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị Thanh N và anh Kim D đã mâu thuẫn trầm trọng, thời gian ly thân đã lâu, mặc dù đã được Tòa án thụ lý và thông báo triệu tập dự phiên họp công khai chứng cứ, hoà giải động viên hàn gắn nhưng anh Kim D không chấp hành. Do đó, việc chị Thanh N yêu cầu được ly hôn và yêu cầu được nuôi dưỡng con chung tên Kim Thị Thanh N1 là có cơ sở chấp nhận.

Từ những căn cứ trên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 53, 56, 57 và 58 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Thạch Thị Thanh N.

- Về hôn nhân: Cho chị Thạch Thị Thanh N được ly hôn với anh Kim D

- Về con chung: Giao Kim Thị Thanh N1, sinh ngày 14/4/2010 cho chị Thạch Thị Thanh N được tiếp nuôi dưỡng. Anh Kim D không cấp dưỡng nuôi con.
- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu nên đề nghị không đặt ra xem xét.

Về án phí phí hôn nhân và gia đình đề nghị buộc nguyên đơn chị Thạch Thị Thanh N phải chịu theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét, thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Theo đơn khởi kiện thì chị Thạch Thị Thanh N yêu cầu được ly hôn với anh Kim D và yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung nên đây là vụ kiện “*Ly hôn và tranh chấp về nuôi con*” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự; căn cứ vào khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh; tại phiên tòa nguyên đơn chị Thạch Thị Thanh N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn anh Kim D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do căn cứ khoản 1, 2 Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự thì Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn chị Thạch Thị Thanh N và bị đơn anh Kim D.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Thạch Thị Thanh N và anh Kim D tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2009, đến năm 2014 thì anh chị mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Trà Cú, huyện Trà Cú vào ngày 29/4/2014 đúng quy định của luật hôn nhân và gia đình nên quan hệ hôn nhân giữa chị Thanh N và anh Kim D là hợp pháp kể từ năm 2014. Quá trình chung sống, cuộc sống của chị N, anh D không được êm ấm, hạnh phúc như những cặp vợ chồng khác mà thường xảy ra mâu thuẫn cự cãi do anh Kim D thường xuyên nhậu nhẹt về chửi bới nặng nề chị Thanh N, đến khoảng cuối năm 2016 thì anh chị quyết định sống ly thân với nhau đến nay mà không bên nào tạo điều kiện hàn gắn. Nay phía chị N cho rằng tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa chị và anh Kim D đã trầm trọng, không hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt, thời gian ly thân đã lâu nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Kim D; phía anh D đã được Tòa án thông báo về việc chị N yêu cầu ly hôn và đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh D đều vắng mặt không rõ lý do cũng không gửi văn bản cho Tòa án biết ý kiến của mình về yêu cầu ly hôn của chị N. Hội đồng xét xử căn cứ vào lời trình bày của chị N, kết quả xác minh tình trạng hôn nhân của anh chị nhận thấy, tình trạng hôn nhân giữa chị N và anh D đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể tiếp tục, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, việc chị N yêu cầu ly hôn với anh D là có căn cứ chấp nhận.

[3] Về con chung: Theo đơn khởi kiện ban đầu chị Thạch Thị Thanh N cho rằng giữa chị và anh Kim D có 02 người con chung tên Kim C, sinh ngày 13/7/2003 và Kim Thị Thanh N1, sinh ngày 14/4/2010. Tuy nhiên, quá trình tố tụng chị N thừa nhận cháu Kim C không phải là con chung giữa chị với anh Kim D mà là con riêng của chị N với chồng trước. Việc chị N thừa nhận nhận là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với cháu Kim Thị Thanh N1, hiện nay cháu Thanh N1 đã trên 07 tuổi và có nguyện vọng tiếp tục được sống chung với chị Thanh N. Do đó, việc chị Thanh N yêu cầu nuôi dưỡng cháu Thanh N1 là phù hợp với nguyện vọng của cháu nên chấp nhận.

[4] Về phần cấp dưỡng nuôi con, phía chị Thạch Thị Thanh N không yêu cầu anh Kim D cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Thạch Thị Thanh N xác định không có không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: Trong vụ án hôn nhân và gia đình thì nguyên đơn phải chịu theo quy định khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[7] Quan điểm của Kiểm sát viên phù hợp với quy định của pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1, 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 53, 56, 57 và Điều 58, khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Thạch Thị Thanh N.
- + Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Thạch Thị Thanh N được ly hôn với anh Kim D.

- + Về con chung: Giao cháu Kim Thị Thanh N1, sinh ngày 14/4/2010 cho chị Thạch Thị Thanh N được tiếp nuôi dưỡng, điều này phù hợp với nguyện vọng của cháu Thanh N1. Anh Kim D không cấp dưỡng nuôi con.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được quyền ngăn cản, đồng thời có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được chung sống với bên trực tiếp nuôi. Vì lợi ích của con, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Chị Thạch Thị Thanh N cho rằng không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Buộc chị Kim Thị Thanh N phải nộp 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Nhưng được cản trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị Thanh N đã nộp trước bằng 300.000 đồng theo biên lai thu số 0003344 ngày 19/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh.

3. Án xử sơ thẩm công khai, vắng mặt nguyên đơn và bị đơn, báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TA tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Trà Cú;
- Chi cục THADS huyện Trà Cú;
- UBND thị trấn Trà Cú;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Thạch Thuôn**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Anh Đào**

**Ngô Văn Chiến**

**Thạch Thuôn**